

SỞ Y TẾ HÀ NỘI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA SÓC SƠN

Số: 171/BVĐKSS-KD

V/v: Mời tham gia báo giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 13 tháng 05 năm 2025

Kính gửi: **Các công ty sản xuất, kinh doanh Dược phẩm trên toàn quốc**

Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn hiện nay đang có nhu cầu mua thuốc phục vụ cho Nhà thuốc Bệnh viện năm 2025 (thời hạn hợp đồng 12 tháng).

Bệnh viện kính mời các Quý Công ty quan tâm và có khả năng cung ứng các thuốc gửi báo giá sản phẩm của Quý Công ty về cho Bệnh viện theo mẫu có danh mục đính kèm.

Thông tin báo giá:

1. Hồ sơ:

- Hồ sơ pháp lý: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy đủ điều kiện kinh doanh dược.

- Hồ sơ sản phẩm:

- + Hồ sơ kê khai giá
- + Giấy phép lưu hành sản phẩm
- + Mẫu nhãn sản phẩm
- + GDP, GSP (nếu có)

- Bảng báo giá (có mẫu đính kèm): có chữ ký và đóng dấu đầy đủ.

2. Địa chỉ tiếp nhận báo giá:

- Khoa Dược Tầng 5 nhà H2, BVĐK Sóc Sơn.

Địa chỉ: Số 18, đường Bệnh viện, Thôn Miếu Thờ, xã Tiên Dược, TP. Hà Nội.

- Số điện thoại liên hệ: 0978.549.788 (Ds Dương)

3. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 09h00 ngày 13/05/2025 đến 17h00 ngày 22/05/2025.

Các báo giá được nhận sau thời điểm trên sẽ không được xem xét.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT; khoa Dược (N. Dương)

GIÁM ĐỐC



GIÁM ĐỐC

BSC.KII. Lê Văn Sừng

DANH MỤC THUỐC MỜI BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số : 171/BVĐKSS-KD ngày 13 tháng 5 năm 2025)

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế, Đường dùng	Đơn vị tính	Ghi chú
1	Celecoxib	200mg	BDG	Viên nang, Uống	Viên	
2	Diclofenac	20g	1	Thuốc dùng ngoài, Dùng ngoài	Tuýp	
3	Etoricoxib	60mg	BDG	Viên, Uống	Viên	
4	Etoricoxib	90mg	BDG	Viên, Uống	Viên	
5	Ibuprofen	100mg/5ml	5	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống, Uống	Chai/Lọ	
6	Meloxicam	7,5mg	1	Viên, Uống	Viên	
7	Meloxicam	15mg	1	Dung dịch tiêm, Tiêm	Ống	
8	Paracetamol	150mg	3	Bột/cốm/hạt pha uống, Uống	Gói	
9	Paracetamol	150mg	1	Thuốc đặt hậu môn/ trực tràng	Viên	
10	Paracetamol	250mg	3	Bột/cốm/hạt pha uống, Uống	Gói	
11	Paracetamol	250mg	1	Thuốc đặt hậu môn/ trực tràng	Viên	
12	Paracetamol + chlorpheniramin	325mg + 2mg	4	Viên, Uống	Viên	
13	Colchicin	1mg	4	Viên nén, Uống	Viên	
14	Diacerein	50mg	4	Viên nang, Uống	Viên	
15	Glucosamin	1500mg	1	Bột/cốm/hạt pha uống, Uống	gói	
16	Desloratadin	0,5mg/ml x 60ml/30ml	1	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống, Uống	Chai	
17	Desloratadin	0,5mg/ml	4	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống, Uống	Ống	
18	Desloratadin	5mg	1	Viên uống	Viên	
19	Fexofenadin	60mg	4	Viên, Uống	Viên	
20	Fexofenadin	180mg	4	Viên, Uống	Viên	
21	Loratadin	60mg/60ml	4	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống, Uống	Lọ	
22	Promethazin (hydroclorid)	2%/10g	4	Thuốc dùng ngoài, Dùng ngoài	Tuýp	
23	Amoxicilin	250mg	1	Bột/cốm/hạt pha uống, Uống	Gói	
24	Amoxicilin+Acid Clavulanic	500/125mg	BDG	Viên, Uống	Viên	
25	Amoxicilin+Acid Clavulanic	500/62,5mg	BDG	Bột/cốm/hạt pha uống, Uống	Gói	
26	Amoxicilin+Acid Clavulanic	250/31,25mg	BDG	Bột/cốm/hạt pha uống, Uống	Gói	
27	Amoxicilin+Acid Clavulanic	475mg/5ml	1	Bột/cốm/hạt pha uống, Uống	Chai	
28	Amoxicilin+Acid Clavulanic	(600mg+42.9mg)/5ml x 50ml	1	Bột/cốm/hạt pha uống, Uống	Chai	
29	Amoxicilin+Acid Clavulanic	(600mg+42.9mg)/5ml x 100ml	1	Bột/cốm/hạt pha uống, Uống	Chai	
30	Cefdinir	125mg	3	Bột/cốm/hạt pha uống, Uống	Gói	
31	Cefdinir	125mg/5ml	4	Bột/cốm/hạt pha uống, Uống	Chai/Lọ	
32	Cefixim	100mg	3	Bột/cốm/hạt pha uống, Uống	Gói	
33	Cefixim	50mg	3	Bột/cốm/hạt pha uống, Uống	Gói	
34	Cefixim	200mg	3	Viên, Uống	Viên	
35	Cefpodoxim	30ml	4	Bột/cốm/hạt pha uống, Uống	lọ	
36	Cefpodoxim	200mg	4	Viên nén, Uống	Viên	
37	Cefpodoxim	100mg	4	Bột/cốm/hạt pha uống, Uống	Gói	
38	Cefuroxim	125mg	1	Bột/cốm/hạt pha uống, Uống	Gói	
39	Cefuroxim	500mg	BDG	Viên, Uống	Viên	
40	Cefuroxim	500mg	3	Viên, Uống	Viên	
41	Gentamycin	0,3%/5g	4	Thuốc tra mắt, Tra mắt	Tuýp	
42	Dexamethason+ Neomycin+ Polymycin B	0,1%+ 3500UI +6000UI/ml lọ 5ml	1	Thuốc nhỏ mắt, Nhỏ mắt	Lọ	

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế, Đường dùng	Đơn vị tính	Ghi chú
43	Dexamethason+ Neomycin+ Polymycin B	(1mg+ 3500UI + 6000UI/ml) /1g x 3,5g	1	Thuốc tra mắt, Tra mắt	Tuýp	
44	Dexamethason+ Neomycin+ Polymycin B	10mg + 35mg + 100.000UI /10ml	4	Thuốc nhỏ mắt, mũi, tai	Lọ	
45	Tobramycin	0,3%/5ml	1	Thuốc nhỏ mắt, Nhỏ mắt	Lọ	
46	Tobramycin	0,3%/3,5g	1	Thuốc tra mắt, Tra mắt	Tuýp	
47	Tobramycin+Dexamethason	0,3%+0,1% /5ml	1	Thuốc nhỏ mắt, Nhỏ mắt	Lọ	
48	Tobramycin+Dexamethason	0,3%+0,1%/ 3,5g	1	Thuốc tra mắt, Tra mắt	Tuýp	
49	Azithromycin	200mg/5ml	BDG	Bột/cốm/hạt pha uống, Uống	Chai/Lọ	
50	Spiramycin	3MUI	1	Viên, Uống	Viên	
51	Spiramycin+Metronidazol	0,75MUI+ 125mg	1	Viên, Uống	Viên	
52	Ciprofloxacin	500mg	3	Viên, Uống	Viên	
53	Levofloxacin	0,50%	1	Thuốc nhỏ mắt, nhỏ mắt	Lọ	
54	Ofloxacin	0,3%/ 5ml	5	Thuốc nhỏ tai, Nhỏ tai	Lọ	
55	Ofloxacin	5g	1	Thuốc tra mắt, tra mắt	Tuýp	
56	Sulfadiazin bạc	1%/20g	4	Thuốc dùng ngoài, Dùng ngoài	Tuýp	
57	Sulfamethoxazol+ Trimethoprim	200mg+40mg /5ml	1	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống, Uống	Chai/Lọ	
58	Sulfamethoxazol+ Trimethoprim	200mg+40mg /5ml	4	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống, Uống	Chai/Lọ	
59	Sulfamethoxazol+	400mg+80mg	3	Viên, Uống	Viên	
60	Doxycyclin	100mg	4	Viên nang, Uống	Viên	
61	Tetracyclin (hydroclorid)	1%/5g	4	Thuốc tra mắt, Tra mắt	Tuýp	
62	Tenofovir (TDF)	300mg	3	Viên nén bao phim, Uống	Viên	
63	Aciclovir	250mg/5g	4	Thuốc dùng ngoài, Dùng ngoài	Tuýp	
64	Itraconazol	100mg	1	Viên nang, Uống	Viên	
65	Ketoconazol	2%/5g	4	Thuốc dùng ngoài, Dùng ngoài	Tuýp	
66	Nystatin	100.000UI 500.000UI	4	Viên, Uống	Viên	
67	Nystatin + Metronidazol + Neomycin	100.000UI 0,5g 65.000UI	1	Viên đặt âm đạo, Đặt âm đạo	Viên	
68	Nystatin + neomycin + polymyxin B	100.000UI + 3500UI + 3500UI	1	Viên đặt âm đạo, Đặt âm đạo	Viên	
69	Piribedil	50mg	1	Viên, Uống	Viên	
70	Phức hợp sắt (III) hydroxide polymaltose	178,6mg/ml x 30 ml	1	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống, Uống	Chai	
71	Amiodaron (hydroclorid)	200mg	1	Viên, Uống	Viên	
72	Perindopril + Indapamid + Amlodipin	5mg + 1,25mg + 10mg	1	Viên, Uống	Viên	
73	Bisoprolol	2,5mg	3	Viên, Uống	Viên	
74	Metoprolol	50 mg	1	Viên giải phóng có kiểm soát, Uống	Viên	
75	Metoprolol	25 mg	1	Viên giải phóng có kiểm soát, Uống	Viên	
76	Perindopril Arginine	5mg	1	Viên, Uống	Viên	
77	Perindopril + amlodipin	5mg/10mg	1	Viên, Uống	Viên	
78	Perindopril + Indapamid	5mg/1,25mg	1	Viên, Uống	Viên	
79	Telmisartan	40mg	1	Viên, Uống	Viên	
80	AcetylSalicylic Acid	100mg	4	Viên, Uống	Viên	
81	AcetylSalicylic Acid	81mg	4	Viên, Uống	Viên	
82	Clopidogrel	75mg	3	Viên, Uống	Viên	
83	Atorvastatin	20mg	BDG	Viên, Uống	Viên	
84	Atorvastatin	10mg	BDG	Viên, Uống	Viên	
85	Clobetasol butyrat	5g	1	Thuốc dùng ngoài, Dùng ngoài	Tuýp	
86	Fusidic acid	2% - 15g	1	Thuốc dùng ngoài, Dùng ngoài	Tuýp	
87	Fusidic acid + betamethason	20mg/10mg	1	Thuốc dùng ngoài, Dùng ngoài	Tuýp	

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế, Đường dùng	Đơn vị tính	Ghi chú
88	Mupirocin	100mg/5g	4	Thuốc dùng ngoài, Dùng ngoài	Tuýp	
89	Nước oxy già	3%-20ml	4	Thuốc dùng ngoài, Dùng ngoài	Lọ	
90	Tyrosin	5g	1	Thuốc dùng ngoài, Dùng ngoài	Tuýp	
91	Fluorescein (Natri)	1g/5ml	1	Thuốc nhỏ mắt, Nhỏ mắt	Lọ	
92	Cồn 70°	20ml/50ml/500ml	4	Thuốc dùng ngoài, Dùng ngoài	Chai	
93	Povidone Iodine	10%/150ml	4	Thuốc dùng ngoài, Dùng ngoài	Chai	
94	Povidone Iodine	10%/90ml	4	Thuốc dùng ngoài, Dùng ngoài	Chai	
95	Povidone Iodine	5% 15g	1	Thuốc dùng ngoài, Dùng ngoài	Tuýp	
96	Povidone Iodine	1% - 125ml	1	Thuốc tác dụng tại niêm mạc miệng, Dùng ngoài	Chai	
97	Natri clorid	0,9% - 500ml	4	Thuốc dùng ngoài, Dùng ngoài	Chai	
98	Natri clorid	0,9% - 100ml	4	Thuốc dùng ngoài, Dùng ngoài	Lọ	
99	Furosemid	40mg	4	Viên, Uống	Viên	
100	Furosemid	20mg	4	Viên, Uống	Viên	
	Spironolacton	50mg				
101	Spironolacton	25mg	1	Viên, Uống	Viên	
102	Atapulgit mormoiron hoạt hóa + hỗn hợp gel khô magnesi carbonat-nhôm hydroxid	2,5g+ 0,5g	1	Bột/cốm/hạt pha uống, Uống	Gói	
103	Magnesi hydroxyd + nhôm hydroxyd + simethicon	460mg + 400mg + 50mg	4	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống, Uống	Gói	
104	Omeprazol	20mg	3	Viên nang, Uống	Viên	
105	Esomeprazol	20mg	BDG	Viên, Uống	Viên	
106	Esomeprazol	40mg	BDG	Viên, Uống	Viên	
107	Pantoprazol	20mg	1	Viên, Uống	Viên	
108	Rabeprazol	40mg	5	Viên, Uống	Viên	
109	Sucralfat	1g	2	Bột/cốm/hạt pha uống, Uống	Gói	
110	Domperidon	1mg/ml x chai 30/60ml	1	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống, Uống	Chai/Lọ	
111	Domperidon	10mg	1	Viên, Uống	Viên	
112	Drotaverin clohydrat	40mg	4	Viên, Uống	Viên	
113	Lactulose	10g/15ml	1	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống, Uống	Gói	
114	Sorbitol	5g	4	Bột/cốm/hạt pha uống, Uống	Gói	
115	Bacillus clausii	2 tỷ bào tử	4	Viên nang, Uống	Viên	
116	Bacillus clausii	5ml	4	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống, Uống	Ống	
117	Diocahedral smectit	3g	1	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống, Uống	Gói	
118	Kẽm Gluconat	70mg/3g	4	Bột/cốm/hạt pha uống, Uống	Gói	
119	Racecadotril	10mg	1	Bột/cốm/hạt pha uống, Uống	Gói	
120	Racecadotril	30mg	1	Bột/cốm/hạt pha uống, Uống	Gói	
121	L-Ornithin - L- aspartat	1000mg/5ml	4	Thuốc tiêm, tiêm	Ống	
122	L-Ornithin - L- aspartat	5000mg/10ml	2	Thuốc tiêm, tiêm	Ống	
123	Silymarin	140mg	4	Viên, Uống	Viên	
124	Trimebutin maleat	100mg	1	Viên, Uống	Viên	
125	Ursodeoxycholic acid	250mg	4	Viên, Uống	Viên	
126	Beclometason (dipropionat)	50mcg x 150 liều	4	Thuốc Xịt mũi, Xịt mũi	Lọ	
127	Methyl Prednisolon	4mg	1	Viên, Uống	Viên	
128	Methyl Prednisolon	16 mg	1	Viên, Uống	Viên	
129	Dydrogesteron	10mg	1	Viên, Uống	Viên	
130	Progesteron	100mg	1	Viên nang mềm, Uống	Viên	
131	Dapagliflozin	10mg	BDG	Viên, Uống	Viên	

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế, Đường dùng	Đơn vị tính	Ghi chú
132	Empagliflozin	10mg	1	Viên, Uống	Viên	
133	Levothyroxin (muối Natri)	100mcg	1	Viên, Uống	Viên	
134	Baclofen	10mg	1	Viên, Uống	Viên	
135	Eperison	50mg	1	Viên, Uống	Viên	
136	Hydroxypropylmethylcellulose	3mg/ml x 0,4ml	4	Thuốc nhỏ mắt, Nhỏ mắt	Tép	
137	Hydroxypropylmethylcellulose	3mg/ml x 10ml	4	Thuốc nhỏ mắt, Nhỏ mắt	Lọ	
138	Natri clorid	0,9%/10ml	4	Thuốc nhỏ mắt, Nhỏ mắt	Lọ	
139	Natri hyaluronat	1mg/ml x 5ml	1	Thuốc nhỏ mắt, Nhỏ mắt	Lọ	
140	Timolol	5ml	1	Thuốc nhỏ mắt, Nhỏ mắt	Lọ	
141	Xylometazolin	0,05% - 10ml	1	Thuốc nhỏ mũi, nhỏ mũi	Lọ	
142	Xylometazolin	0,025%	4	Thuốc nhỏ mũi, nhỏ mũi	Lọ	
143	Xylometazolin	0,025%	1	Thuốc nhỏ mũi, nhỏ mũi	Lọ	
144	Betahistin	8mg	1	Viên, Uống	Viên	
145	Betahistin	16mg	1	Viên, Uống	Viên	
146	Phenazon + lidocain hydroclorid	15ml	1	Thuốc nhỏ tai, Nhỏ tai	Lọ	
147	Fosfomycin	300mg/10ml	1	Thuốc nhỏ tai, Nhỏ tai	Lọ	
148	Misoprostol	200mcg	4	Viên, Uống	Viên	
149	Sulpirid	50mg	1	Viên nang, Uống	Viên	
150	Acetyl leucin	500mg	1	Viên, Uống	Viên	
151	Galantamin	5mg/ml	1	Thuốc tiêm, Tiêm	Ống	
152	Mecobalamin	0,5mg/ml	2	Thuốc tiêm, Tiêm	Ống	
153	Bambuterol	10mg	1	Viên, Uống	Viên	
154	Budesonid + formoterol	160mcg+ 4,5mcg	1	Bột hít/Hỗn dịch hít; Dạng hít	Hộp	
155	Natri Montelukast	4mg	1	Bột/cốm/hạt pha uống, Uống	Gói	
156	Natri Montelukast	5mg	1	Viên, Uống	Viên	
157	Natri Montelukast	10mg	1	Viên, Uống	Viên	
158	Salbutamol	2,5mg/2,5ml	BDG	Dung dịch/hỗn dịch khí dung, Khí dung	Ống	
159	Salbutamol	5mg/2,5ml	BDG	Dung dịch/hỗn dịch khí dung, Khí dung	Ống	
160	Salbutamol+Ipratrinium	(2,5mg+0,5mg) /2,5ml	BDG	Dung dịch/hỗn dịch khí dung, Khí dung	Ống	
161	Theophylin	100mg	1	Viên giải phóng có kiểm soát, Uống	Viên	
162	Ambroxol	3mg/1ml x 100ml	1	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống, Uống	Chai	
163	Ambroxol	6mg/ml x 150ml	2	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống, Uống	Chai	
164	Ambroxol	30mg	1	Viên, Uống	Viên	
165	Bromhexin hydroclorid	4mg/5ml	5	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống, Uống	Chai/Lọ	
166	Bromhexin hydroclorid	8mg	5	Viên, Uống	Viên	
167	N-Acetyl cystein	200mg	1	Bột/cốm/hạt pha uống, Uống	Gói	
168	N-Acetyl cystein	200mg	4	Bột/cốm/hạt pha uống, Uống	Gói	
169	N-Acetyl cystein	200mg	1	Viên, Uống	Viên	
170	N-Acetylcystein	100mg	4	Bột/cốm/hạt pha uống, Uống	Gói	
171	Mometason furoat	0,05mg/liều	4	Thuốc Xịt mũi, Xịt mũi	Chai/Lọ	
172	Kali clorid	600mg	1	Viên, Uống	Viên	
173	Natri clorid + natri citrat + kali clorid + glucose khan	0,7g + + 0,58g + 0,3g + 4g	4	Bột/cốm/hạt pha uống, Uống	Gói	
174	Calci carbonat + Vitamin D3	1250mg+125UI	1	Viên, Uống	Viên	
175	Calci carbonat + Vitamin D3	1500mg + 0,01mg	4	Viên, Uống	Viên	
176	Vitamin A + Vitamin D	5000UI+500UI	4	Viên nang mềm, Uống	Viên	
177	Vitamin B6+Magnesi (lactat)	5mg+470mg	4	Viên, Uống	Viên	
178	Vitamin C	1g	3	Viên sủi, Uống	Viên	
179	Vitamin E	400UI	4	Viên nang, Uống	Viên	

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế, Đường dùng	Đơn vị tính	Ghi chú
180	Febuxostat	80mg	3	Viên, Uống	Viên	
181	Cao ginkgo biloba	17,5mg/5ml	2	Thuốc tiêm, Tiêm	Ống	
182	Fluticason furoat + umeclidinium + Vilanterol	100mcg + 62,5mcg + 25mcg	1	Thuốc hít định liều/ phun mù định liều; Dạng hít	Hộp	
183	Umeclidinium + Vilanterol	62,5mcg + 25mcg	BDG	Thuốc hít định liều/ phun mù định liều; Dạng hít	Hộp	
184	Glucosamine ; Chondroitin sulfate (dưới dạng sụn vây cá mập) ; Cao đặc thân rễ Gừng ; Cao đặc vỏ thân cây Hoàng bá	295mg, 10mg, 40mg, 10mg	1	Viên nang cứng; Uống	Viên	
185	Vitamin E, Vitamin C , Beta caroten 30% hỗn dịch , Kẽm oxid , Đồng oxid , Selen , Mangan Sulfat	200 I.U, 250mg, 10mg, 9,337mg, 1,252mg, 15µg, 4,613mg	5	Viên nang mềm; Uống	Viên	
186	Natri Clorid	6%	4	Thuốc khí dung	Ống	
187	Xylometazolin	0.05%	1	Thuốc Xịt mũi, Xịt mũi	Lọ	
188	Terbutalin sulfat +Guaifenesin	60ml	4	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống, Uống	chai	
189	Salbutamol +Carbocistein	(1,5+66,5)/5ml 60ml	4	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống, Uống	chai	
190	Chlorpheniramine + Dextromethorphan + Eorafenine	16.02mg + 60mg + 120mg	4	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống, Uống	chai	
191	Dextromethorphan + Guaifenesin	2.5mg + 10mg + 100mg	4	Viên, Uống	Viên	
192	Chloranphenicol + Naphazolin nitrat + Vitamin b2	5ml	4	Thuốc nhỏ tai, Nhỏ tai	lọ nhỏ tai	
193	Dexamethason phosphat + neomycin + Xylometazoline	15mg + 75000IU/52500IU + 7.5mg	4	Thuốc Xịt mũi, Xịt mũi	Lọ	
194	Oxymetazoline + Methol natural + Camphor	7.5mg + 1.5mg + 1.1mg/15ml	4	Thuốc Xịt mũi, Xịt mũi	Lọ	
195	Natri hydro carbonat + Natri clorid + Menthol	1.40 + 0.55 + 0.05/2g	4	Thuốc súc miệng	Lọ	
196	Tyrosine + Dequalinium + Hydrocortisone acetate + Lidocain + Glycyrrhetic	40mg + 10mg + 6mg + 10mg + 6mg/10ml	1	Thuốc xịt họng	Lọ	
197	Lidocain HCL + dịch chiết hoa cúc	20mg + 185mg	1	Thuốc bôi miệng	Tuýp	
198	Cholin + benzalkonium	9% + 0.02%	5	Thuốc bôi miệng	Tuýp	
199	Clotrimazole; Metronidazole	100 mg + 500 mg	1	Viên trứng đặt âm đạo	Viên	
200	Glucosamin sulfat (dưới dạng Glucosamin sulfat kali chlorid 667mg) + Chondroitin sulfat (dưới dạng chondroitin sulfat shark 278mg)	500mg + 250mg	1	Viên nang cứng, Uống	Viên	
201	Calci glubionat + Calci lactobionat	44,1g + 9,6g	1	Sirô, uống	Chai	
202	Cao Ginkgo biloba	17,5mg/5ml	2	dung dịch tiêm	Ống	
203	Đồng sunfat khan, Natri fluorid	40mg + 40mg	4	Viên nén sủi	Viên	
204	Doxylamine succinate; Pyridoxine hydrochloride	10mg + 10mg	4	Viên nén bao tan trong ruột	Viên	
205	L-ornithine l-Aspartate	500mg	4	Viên, Uống	Viên	

TT	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế, Đường dùng	Đơn vị tính	Ghi chú
206	Calci gluconat 500 mg; Colecalciferol (Vitamin D3) 250 IU	500mg + 250 IU	4	Viên, Uống	Viên	
207	Mangiferin	0,5% 12ml, Chai 120ml	4	Gel dùng ngoài	Chai	
208	Omega-3- acid ethyl esters	1000mg	4	Viên nang mềm, Uống	Viên	
209	Budesonid + Glycopyrronium + Formoterol fumarat dihydrat	160mcg + 7,2mcg + 5mcg	BDG	Hỗn dịch nén dưới áp suất dùng để hít	Bình	
210	Piracetam + Cinnarizin	400mg + 25mg	4	Viên nang cứng, Uống	Viên	
211	Ambroxol + Salbutamol	(15mg + 1mg)/5ml	5	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống, Uống	Chai/Lọ/Ốn g	
212	Vitamin A, Vitamin D3, Vitamin B1, Vitamin B2, Vitamin B6, Sắt, Magie, Calci	1000UI + 400IU + 2mg + 3mg + 1mg + 1,65mg + 6mg + 21,42mg	4	Viên, Uống	Viên	
213	Bột Thổ miết trùng, Cao nhân sâm, Cao hỗn hợp các dược liệu Sơn thù nhục, Đan sâm, Hoàng liên, Nam ngũ vị tử, Cam tùng, Cao hỗn hợp các dược liệu Mạch môn đông, Toan táo nhân, Long cốt, Xích thược, Tang ký sinh		4	Viên nang, Uống	Viên	
214	Nhân sâm, Thủy điệt, Toàn yết, Xích thược, Thuyền thoái, Thổ miết trùng, Ngõ Công, Đan hương, Giáng hương, Nhũ hương, Toan táo nhân, Băng phiến		4	Viên nang, Uống	Viên	
215	Vitamin B12 (cyanocobalamin, hydroxocobalamin)	0,2mg/ml x 5ml	4	Dung dịch nhỏ mắt, Nhỏ mắt	Lọ	
216	Vitamin B12 (cyanocobalamin, hydroxocobalamin)	0,2mg/ml x 5ml	1	Dung dịch nhỏ mắt, Nhỏ mắt	Lọ	
217	Betamethason natri phosphat + Neomycin	(15mg+52,500IU)/15 ml x 30ml	4	Dung dịch xịt mũi, Xịt mũi	Lọ	
218	Oxymetazoline	0,05% - 15ml	4	Dung dịch xịt mũi, Xịt mũi	Lọ	
219	Betamethasone	0,5mg	4	Viên, Uống	Viên	
220	Hydrocortisone + Cloramphenicol	0,75% + 1%	4	Thuốc tra mắt, Tra mắt	Tuýp	
221	Natri alginat (dưới dạng bột sấy khô 425mg), Natri bicarbonat, Calci carbonat	500mg + 213mg + 325mg	2	Hỗn dịch uống	Gói	
222	Natri clorid	1,9%	4	Thuốc Xịt mũi, Xịt mũi	Lọ/Chai	
223	Natri clorid	3%	4	Thuốc Xịt mũi, Xịt mũi	Lọ/Chai	

Tổng: 223 khoản

Tên nhà thầu:
Địa chỉ:
Số điện thoại:

BẢO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện đa khoa Sóc Sơn

Công ty xin gửi tới Quý Bệnh viện thông tin của các mặt hàng công ty sẽ tham dự cung cấp cho Nhà thuốc Bệnh viện như sau:

STT	STT theo yêu cầu báo giá	Tên hoạt chất	Tên thuốc	Nồng độ Hàm lượng	Dạng bào chế	Đường dùng	ĐVT	Quy cách đóng gói	Hạn dùng (Tuổi thọ)	Số GPLHSP hoặc GPNK	Cơ sở Sản xuất	Nước sản xuất	Đơn giá (có VAT)	Giá kê khai	Nhóm thuốc	Giá trúng thầu trong vòng 12 tháng kể từ ngày trúng thầu đến thời điểm báo giá				Ghi chú
																Giá trúng thầu	Số quyết định, ngày trúng thầu	Đơn vị trúng thầu	Hiệu lực hợp đồng	
1																				
2																				
3																				
....																				

Ngày tháng năm 2025
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA ĐƠN VỊ BẢO GIÁ